

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên
Trường Đại học Tân Trào

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Chính trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Tân Trào.*

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc, Trưởng các Bộ môn và giảng viên Trường Đại học Tân Trào chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Lãnh đạo trường;
- Website trường;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: TCCT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Bá Đức

QUY ĐỊNH
Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Tân Trào

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTT ngày 14 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Tân Trào (sau đây gọi tắt là giảng viên), bao gồm: Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động.

2. Quy định này áp dụng đối với giảng viên giảng dạy tại Trường Đại học Tân Trào.

Điều 2. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên

Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên được xác định cụ thể như sau:

1. Giảng viên cao cấp (hạng I)

a. Giảng dạy trình độ cao đẳng, đại học trở lên; hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp cao đẳng, đại học; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

b. Chủ trì xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành;

c. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo). Chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

d. Chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho tổ, nhóm chuyên môn;

đ. Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của bộ môn và chuyên ngành;

e. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

g. Tổ chức hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của sinh viên để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng;

h. Tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh;

i. Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

k. Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn hoặc chuyên ngành;

h. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

l. Giảng viên có chức danh phó giáo sư, giáo sư ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải thực hiện nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư.

2. Giảng viên chính (hạng II)

a. Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học;

b. Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

c. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm;

d. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo. Chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

đ. Chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học. Tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học;

e. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

g. Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

h. Tham gia hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh;

i. Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

k. Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn hoặc chuyên ngành;

l. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

3. Giảng viên (hạng III)

a. Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học. Giảng viên trong thời gian làm công tác trợ giảng thực hiện hỗ trợ giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành và chấm bài;

b. Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

c. Tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; tham gia đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

d. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo;

đ. Tổ chức và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia triển khai các hoạt động chuyển giao công nghệ cho cơ sở sản xuất;

e. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

g. Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập;

h. Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

i. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

4. Giảng viên tập sự

a. Giảng viên tập sự có trách nhiệm nghiên cứu, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, nội quy, quy chế của Khoa, Bộ môn nơi giảng viên tập sự sinh hoạt và của Trường đại học Tân Trào, nắm vững chức trách, nhiệm vụ, quy định, quy chế làm việc của ngạch giảng viên.

b. Giảng viên tập sự phải tự bố trí thời gian nghe giảng, nghiên cứu giáo trình, tài liệu, viết bài giảng và hoàn thành các bước chuẩn bị giảng.

c. Giảng viên tập sự phải nộp bài giảng chi tiết có xác nhận của giảng viên hướng dẫn cho lãnh đạo Khoa (Bộ môn) trực tiếp quản lý và phải trải qua quy trình, thủ tục xét duyệt giảng viên chính thức.

d. Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

đ. Tham gia công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

5. Trợ giảng: Tham gia hỗ trợ giảng viên có chức danh cao hơn trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành và chấm bài.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 3. Thời gian làm việc, giờ chuẩn và định mức giờ giảng dạy

1. Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

2. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy và được quy định cụ thể tại Điều 6 của Quy định này.

Tổng quỹ thời gian làm việc của các chức danh giảng viên được phân chia theo từng nhiệm vụ:

STT	Nhiệm vụ	Giảng viên	GVC, TS	GVCC
1	Giảng dạy	990	900	750
2	Nghiên cứu khoa học	585	675	930
3	Hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác	185	185	80
4	Tổng:	1760 giờ	1760 giờ	1760 giờ

4. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của các chức danh giảng viên trong một năm học:

Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học được quy định từ 250 đến 350 giờ chuẩn giảng dạy (tương đương từ 750 đến 990 giờ hành chính); trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định, cụ thể:

STT	Chức danh	Định mức giờ chuẩn giảng dạy
1	Giảng viên cao cấp	250
2	Giảng viên chính, Tiến sĩ	300
3	Giảng viên	330

a. Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc định mức giờ chuẩn giảng dạy là 165 giờ, đồng thời được miễn giảm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để dành thời gian tham gia dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế.

b. Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

Điều 4. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức dưới đây:

STT	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể	Định mức (%)
1	Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng	15
2	Phó chủ tịch Hội đồng trường, Phó hiệu trưởng	20
3	Trưởng phòng và tương đương, Thư ký Hội đồng trường	25
4	Phó trưởng phòng và tương đương	30
5	Giảng viên công tác tại phòng, ban	35
6	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa và tương đương	
a	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	
	- Trưởng khoa	60
	- Phó trưởng khoa	70

STT	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể	Định mức (%)
b	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học	
	- Trưởng khoa	70
	- Phó trưởng khoa	80
7	Trưởng bộ môn	80
8	Phó Trưởng bộ môn, Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, trợ lý giáo vụ khoa, trợ lý phòng thí nghiệm thực hành.	85
9	Bí thư đảng ủy	15
10	Phó bí thư đảng ủy	30
11	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công.	85
12	Phó bí thư chi bộ	90
13	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác Quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương	80
14	Bí thư đoàn trường, Phó Bí thư đoàn trường, Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Sinh viên cấp trường.	
a	Đối với trường có 10.000 sinh viên, học sinh trở lên	
	- Bí thư đoàn trường	30
	- Phó Bí thư đoàn trường, Chủ tịch Hội Sinh viên	40
	- Phó Chủ tịch hội sinh viên	50
b	Đối với trường có từ 5.000 đến dưới 10.000 sinh viên, học sinh	
	- Bí thư đoàn trường	40
	- Phó Bí thư đoàn trường, Chủ tịch Hội Sinh viên	50
	- Phó Chủ tịch hội sinh viên	60
c	Đối với trường có dưới 5.000 sinh viên, học sinh	
	- Bí thư đoàn trường	50
	- Phó Bí thư đoàn trường, Chủ tịch Hội Sinh viên	60
	- Phó Chủ tịch hội sinh viên	70

STT	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể	Định mức (%)
15	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy	
16	Giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách được giảm trừ định mức giảng dạy như sau: + Giảng viên làm chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn Trường được giảm 44 giờ dạy trong một năm học. + Giảng viên làm ủy viên ban chấp hành công đoàn Trường, chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn bộ phận được giảm 22 giờ dạy trong một năm học.	

3. Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong cơ sở giáo dục đại học có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều này.

Điều 5. Quy định về nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với các chức danh giảng viên được quy định cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Định mức giờ chuẩn NCKH (giờ)
1	Giảng viên cao cấp	310
2	Giảng viên chính	225
3	Giảng viên	195
4	Giảng viên tập sự	0

Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm được tính định mức nghiên cứu khoa học theo tỷ lệ định mức tại Khoản 1, Điều 4 của quy định này và tối thiểu là 01 sản phẩm khoa học hoàn chỉnh tương đương với 01 bài báo trên tạp chí khoa học 0,25 điểm theo quy định của Hội đồng GSNN.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Việc quy đổi để xác nhận việc thực hiện định mức nghiên cứu khoa học cho giảng viên được áp dụng theo Quy chế quản lý Khoa học và Công nghệ hiện hành của Trường Đại học Tân Trào.

4. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; đồng thời, cho phép bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học đối với những giảng viên này.

Chương III

QUY ĐỔI MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

Điều 6. Quy đổi một số hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy

1. Giảng lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thực tập:

STT	Số tiết giảng lý thuyết và giờ hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thực tập	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	01 giờ giảng lý thuyết trình độ Cao đẳng	0,8 giờ
2	01 tiết giảng lý thuyết đào tạo ĐH	1 giờ
3	01 tiết giảng bằng tiếng nước ngoài không phải ngành Ngoại ngữ	1,5 giờ
4	01 tiết giảng lý thuyết đào tạo trình độ thạc sĩ	1,5 giờ
5	01 tiết giảng lý thuyết đào tạo trình độ tiến sĩ	1,7 giờ
6	01 ngày (8 giờ) hướng dẫn thực tập trong trường	1 giờ
7	01 ngày (8 giờ) hướng dẫn thực tập ngoài trường	2 giờ
8	01 tiết giảng lớp bồi dưỡng cho đội tuyển dự thi HS-SV giỏi (việc coi, chấm thi được tính như khi thi kết thúc học phần)	1,2 giờ
10	Hướng dẫn viết bài tập NCKH về tâm lý giáo dục cho 1 lớp thực tập (có đánh giá, nhận xét trong bài tập của SV)	5 giờ
11	Một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất	1 giờ

Khi hướng dẫn thực tập kết hợp với lao động sản xuất (theo hợp đồng với đơn vị sản xuất), ngoài việc tính khối lượng công tác giảng dạy, giảng viên, giáo

viên còn được tính bồi dưỡng tiền công lao động theo hợp đồng giữa Trường và đơn vị sản xuất.

2. Thi kết thúc học phần, đề kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

STT	Nội dung công việc	Giờ chuẩn
1	Soạn đề thi (kiểm tra) tự luận (2 đề + đáp án)	1,5 giờ
2	Soạn đề thi (kiểm tra) vấn đáp (bộ đề 10 câu hỏi + đáp án). Thi nhiều lớp chỉ được tính 1 lần.	2 giờ
3	Soạn đề thi (kiểm tra) trắc nghiệm có đủ phiếu chấm theo mã đề (20 câu không trùng ngân hàng đề thi – nếu có)	1 giờ
4	Soạn đề kiểm tra thực hành có đủ hướng dẫn thực hiện, đáp án và thang điểm (2 đề)	1 giờ
5	Xây dựng ngân hàng đề thi, đáp án	
a	Xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án thi cho các học phần thi tự luận, trắc nghiệm kết hợp	0,3 giờ/câu hỏi/2GV
b	Xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án cho học phần thi trắc nghiệm trên máy, trắc nghiệm khách quan	0,15 giờ/câu hỏi/2GV
6	Coi thi (kiểm tra), mỗi phòng có 2 g/v	1 giờ/1GV
7	Chấm thi (kiểm tra) viết, mỗi bài thi do 2 g/v chấm độc lập, số bài chấm là 20 bài	2 giờ/2GV
8	Chấm thi vấn đáp, 2 GV chấm độc lập 20SV	2 giờ/2GV
9	Chấm thi (kiểm tra) trắc nghiệm, mỗi bài do 2 g/v chấm độc lập, số bài chấm là 40 bài	2 giờ/2GV
10	Chấm khóa luận tốt nghiệp đại học	5 giờ/GV

3. Khoá luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số giờ chuẩn
1	Hướng dẫn làm khoá luận tốt nghiệp đại học/cao đẳng	giờ chuẩn/khoá luận	25/17giờ
2	Đọc phản biện khoá luận tốt nghiệp đại học/cao đẳng	giờ chuẩn/khoá luận	5/3giờ
3	Hướng dẫn học viên làm luận văn thạc sĩ	giờ chuẩn/1 luận văn	70 giờ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số giờ chuẩn
4	Đọc phản biện luận văn thạc sĩ	giờ chuẩn/1 luận văn	10 giờ
5	Hướng dẫn học viên làm luận án tiến sĩ	giờ chuẩn/1 luận án	200 giờ
6	Đọc phản biện luận án tiến sĩ	giờ chuẩn/1 luận án	25 giờ

- Hướng dẫn luận án tiến sĩ:

Giáo sư được hướng dẫn chính cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn chính cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ (từ 03 năm trở lên) được hướng dẫn chính cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả nghiên cứu sinh đồng hướng dẫn và nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo xin bảo vệ luận án.

- Hướng dẫn luận văn thạc sĩ:

+ Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn;

+ Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn chính tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn chính tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn chính tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

+ Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 học viên trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

- Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp:

+ Mỗi khóa luận có từ 1 đến 2 giảng viên hướng dẫn.

+ Cán bộ hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp phải có trình độ từ thạc sĩ hoặc tương đương trở lên. Đối với các chuyên ngành thiếu cán bộ có trình độ từ thạc sĩ hoặc tương đương trở lên thì những người tốt nghiệp đại học đã tham gia công tác giảng dạy đại học từ 2 năm trở lên có thể được phân công hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.

+ Số lượng sinh viên được hướng dẫn trong một năm học như sau:

Giáo sư, Phó giáo sư, giảng viên cao cấp, tiến sĩ khoa học được hướng dẫn chính tối đa 07 sinh viên.

Các giảng viên chính là tiến sĩ được hướng dẫn chính tối đa 05 sinh viên.

Các giảng viên chính là thạc sĩ, giảng viên là tiến sĩ được hướng dẫn chính tối đa 04 sinh viên.

Các thạc sĩ được hướng dẫn chính tối đa 02 sinh viên.

Những người tốt nghiệp đại học có ít nhất 2 năm tham gia giảng dạy đại học (đối với các chuyên ngành thiếu giảng viên) được hướng dẫn tối đa 01 sinh viên.

- Hội đồng bảo vệ khoá luận, luận văn, luận án, ra đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp được chi trả bồi dưỡng theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

4. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần:

STT	Nội dung công việc	Số giờ chuẩn quy đổi
1	Xây dựng hồ sơ mở ngành mới:	
a	Xây dựng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết	1 giờ/trang
b	Xây dựng đề án, phân tích kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo, so sánh chương trình đào tạo, kết nối doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động...	100 giờ/chương trình
2	Chỉnh sửa chương trình đào tạo và đề cương chi tiết	3 giờ/ tín chỉ

5. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng:

STT	Nội dung	Hình thức	Tỷ lệ % đ.mức giờ chuẩn/năm học
1	Nghiên cứu sinh (trong nước)	Tập trung	0
		Không tập trung	50
2	Cao học (trong nước), Lý luận chính trị cao cấp	Tập trung	0
		Không tập trung	80
3	NCS, cao học (tập trung ở nước ngoài)		0
4	Giảng viên nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng		80

Thời gian học tập, bồi dưỡng tính theo Quy định của Bộ GD&ĐT.

6. Tham gia Hội giảng

Giảng viên, giáo viên được cử tham gia giảng dạy trực tiếp trong các hội thi, mỗi tiết giảng được tính 1,5 giờ chuẩn.

7. Quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với quy mô lớp học

a. Quy định chung về số sinh viên lớp chuẩn:

- Lớp chuẩn chung cho các môn: 40 sinh viên/lớp;

- Lớp chuẩn thực hành, thí nghiệm chung: 30 sinh viên/lớp;

b. Quy định việc quy đổi:

STT	Tiết dạy	Qui mô lớp	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến	Dưới 20 SV	0,8 giờ
		Từ 21 đến 40 SV trở xuống	1 giờ
		Từ 41 SV đến 60 SV	1,1 giờ
		Từ 61 SV đến 100 SV	1,2 giờ
		Trên 100 SV	Chia lớp
2	Hướng dẫn 1 tiết bài tập, thí nghiệm, thực hành	Từ 30 SV trở xuống	0,5 giờ
		Từ 31 SV đến 45 SV	0,7 giờ
		Từ 46 SV đến 60 SV	0,9 giờ
		Trên 60 SV	Chia lớp

8. Các hoạt động chuyên môn khác

a. Việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác quy định tại khoản 1 và 3, Điều 3 bao gồm: Sinh hoạt chuyên môn; chuyên đề tự bồi dưỡng; tìm hiểu thực tế tại cơ sở giáo dục hoặc cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; dự giờ; tham gia hoạt động đảm bảo chất lượng; tham gia semina, hội thảo chuyên môn...

b. Những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ cộng đồng phát sinh do nhiệm vụ đột xuất, các phòng/khoa/đơn vị xây dựng kế hoạch trình Hiệu trưởng phê duyệt, mỗi ngày làm việc thực tế được tính không quá 2,5 giờ chuẩn.

c. Đối với các nhiệm vụ đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn giảng dạy; tuy nhiên, các nhiệm vụ này được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

Điều 7. Chế độ làm việc vượt định mức lao động

1. Trong một năm học, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định của pháp luật.

Việc thanh toán giờ chuẩn vượt định mức được thực hiện mỗi năm một lần vào cuối năm học. Mức chi trả cho 01 giờ vượt định mức được áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

2. Thời gian làm việc vượt định mức của giảng viên hằng năm không được vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Điều khoản thi hành

Quy định này được áp dụng thống nhất trong Trường Đại học Tân Trào từ năm học 2020 - 2021, Trường các đơn vị trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể giảng viên thuộc đơn vị mình quản lý. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có vướng mắc phản ánh về phòng Tổ chức - Chính trị để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

=====0000=====